

Số: 45 /CKLK

Đồng Nai, ngày 05 tháng 02 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Cơ khí Luyện kim thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: SDK
- Địa chỉ: 280 Khu phố An Bình, P. Trãn Biên, T. Đồng Nai
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02513.836.170 Fax: 02513.836.774
- Email: Website: sadakim.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2025
 - ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC năm 2025 được kiểm toán):

☐ Có☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC năm 2025 được kiểm toán):

☐ Có☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 05/02/2026 tại đường dẫn: sadakim.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2025 kiểm toán;
- Văn bản giải trình LN.



Võ Thanh Tiến

CÔNG TY CP CƠ KHÍ LUYỆN KIM
SADAKIM
Số : 46 /CKLK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Đồng Nai, ngày 05 tháng 02 năm 2026

V/v: Giải trình KQKD năm 2025

Kính gửi : ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.

Công ty cổ phần Cơ khí Luyện kim (Mã cổ phiếu niêm yết : SDK) xin được giải trình lợi nhuận năm 2025 (sau kiểm toán) so với năm 2024 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	So sánh (+/-)
Lợi nhuận trước thuế	2.807.140.648	7.730.583.996	(4.923.443.348)
Lợi nhuận sau thuế	1.195.369.381	5.673.355.922	(4.477.986.541)

Lợi nhuận trước thuế năm 2025 so với năm trước giảm 4.923,4 triệu đồng (giảm 63,7%); lợi nhuận sau thuế năm 2025 so với năm trước giảm 4.477,9 triệu đồng (giảm 78,9%).

Nguyên nhân chủ yếu:

- Công ty đang thực hiện di dời theo chủ trương chuyển đổi công năng KCN Biên Hòa 1, chi phí di dời cao nên giá vốn tăng .
- Doanh thu bán hàng giảm 12,3% so với năm trước
- Các khoản giảm trừ doanh thu tăng 24% so với năm trước.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Lưu TCKT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Võ Thanh Tiên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
(đã được kiểm toán)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-32
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-32

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

280 Khu phố An Bình, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim là đơn vị được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Cơ khí Luyện kim - đơn vị trực thuộc Công ty Thép miền Nam (nay là Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP) theo Quyết định số 694 ngày 24 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600869728 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai (nay là Sở Tài Chính tỉnh Đồng Nai) cấp lần đầu ngày 09 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 16 tháng 12 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 280 Khu phố An Bình, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Minh Huy	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15/04/2025
Ông Nguyễn Văn Chánh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 15/04/2025
Ông Võ Thanh Tiến	Ủy viên	
Ông Trần Thanh Toàn	Ủy viên	
Ông Nguyễn Thái Sơn	Ủy viên	
Ông Trần Phước Dũng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2025
Ông Lê Thanh Hải	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2025

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Thanh Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Hà Thị Thu Hiền	Trưởng ban
Ông Ngô Thế Hiền	Thành viên
Ông Mai Văn Thanh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

280 Khu phố An Bình, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Võ Thanh Tiến

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 03 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim được lập ngày 03 tháng 02 năm 2026, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến đoạn Thuyết minh số 19 - Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán và cam kết thuê hoạt động và Thuyết minh số 33 - Thông tin khác, trong đó trình bày việc Công ty đã thực hiện di dời cơ sở sản xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và hiện đang sử dụng các địa điểm thuê ngắn hạn để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian chờ quyết định chính thức liên quan đến phương án bố trí địa điểm sản xuất mới. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Nguyễn Trung Kiên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5136-2025-002-1

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

280 Khu phố An Bình, phường Trần Biên,
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		63.330.866.015	82.627.901.452
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	10.110.238.220	7.586.398.443
111	1. Tiền		5.110.238.220	7.586.398.443
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		31.944.091.241	47.854.330.274
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	30.836.499.943	47.840.724.190
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	645.049.412	255.880.216
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	462.541.886	102.101.768
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(344.375.900)
140	IV. Hàng tồn kho	8	19.299.008.953	26.213.107.536
141	1. Hàng tồn kho		19.299.008.953	26.213.107.536
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.977.527.601	974.065.199
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	881.172.222	46.264.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		689.990.572	900.880.370
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	406.364.807	26.920.829
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		16.110.446.699	19.298.511.287
220	II. Tài sản cố định		16.110.446.699	19.298.511.287
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	16.110.446.699	19.298.511.287
222	- Nguyên giá		114.647.389.615	115.037.572.761
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(98.536.942.916)	(95.739.061.474)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228	- Nguyên giá		2.350.199.700	2.350.199.700
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.350.199.700)	(2.350.199.700)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>79.441.312.714</u>	<u>101.926.412.739</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

280 Khu phố An Bình, phường Trần Biên,
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		32.818.174.303	55.498.643.709
310	I. Nợ ngắn hạn		32.818.174.303	55.498.643.709
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	8.758.053.745	12.844.907.417
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	2.998.747.953	3.447.435.880
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	6.612.337	635.566.040
314	4. Phải trả người lao động		4.564.667.864	6.803.150.391
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	429.302.540	830.607.121
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	890.474.129	440.468.604
320	7. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	17	15.138.969.392	30.441.253.113
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		31.346.343	55.255.143
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		46.623.138.411	46.427.769.030
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	46.623.138.411	46.427.769.030
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		31.199.880.000	26.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		31.199.880.000	26.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		8.796.663.000	8.796.663.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.626.595.411	11.631.106.030
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		5.431.226.030	5.957.750.108
421b	LNST chưa phân phối năm nay		1.195.369.381	5.673.355.922
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		79.441.312.714	101.926.412.739

Phạm Thị Thanh Huyền
Người lập

Đoàn Thị Thủy
Kế toán trưởng

Võ Thanh Tiến
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 03 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	170.148.943.516	194.111.341.265
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	820.882.631	660.559.534
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		169.328.060.885	193.450.781.731
11	4. Giá vốn hàng bán	22	145.782.731.317	159.548.072.300
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		23.545.329.568	33.902.709.431
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	1.188.664.826	1.079.831.051
22	7. Chi phí tài chính	24	1.298.551.817	1.899.824.411
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		988.205.992	1.469.847.401
25	8. Chi phí bán hàng	25	3.080.764.863	3.355.325.236
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19.163.483.281	22.115.167.834
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.191.194.433	7.612.223.001
31	11. Thu nhập khác	27	2.402.608.886	210.680.630
32	12. Chi phí khác	28	786.662.671	92.319.635
40	13. Lợi nhuận khác		1.615.946.215	118.360.995
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.807.140.648	7.730.583.996
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	1.611.771.267	2.057.228.074
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.195.369.381	5.673.355.922
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	383	1.818


Phạm Thị Thanh Huyền
Người lập

Đoàn Thị Thủy
Kế toán trưởngVõ Thanh Tiến
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 03 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.807.140.648	7.730.583.996
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.665.314.588	4.126.990.379
03	- Các khoản dự phòng		(344.375.900)	344.375.900
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		36.338.573	(33.922.447)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(122.112.055)	(60.384.494)
06	- Chi phí lãi vay		988.205.992	1.469.847.401
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7.030.511.846	13.577.490.735
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		16.049.932.863	(7.713.497.967)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		6.914.098.583	3.442.123.165
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(6.723.607.568)	616.083.562
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(834.908.222)	(46.264.000)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(989.921.606)	(1.475.228.521)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.240.724.970)	(1.600.657.169)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	600.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.023.908.800)	(1.054.886.700)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		18.181.472.126	5.745.763.105
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(477.250.000)	(1.139.550.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	54.875.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		122.112.055	5.509.494
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(355.137.945)	(1.079.165.506)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		56.782.087.968	93.178.132.279
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(72.084.371.689)	(93.241.370.419)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(15.302.283.721)	(63.238.140)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

280 Khu phố An Bình, phường Trần Biên,
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*Năm 2025**(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		2.524.050.460	4.603.359.459
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		7.586.398.443	2.983.398.090
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(210.683)	(359.106)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>10.110.238.220</u>	<u>7.586.398.443</u>


Phạm Thị Thanh Huyền
Người lập


Đoàn Thị Thủy
Kế toán trưởng


Võ Thanh Tiến
Tổng Giám đốc



Đồng Nai, ngày 03 tháng 02 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim là đơn vị được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Cơ khí Luyện kim - đơn vị trực thuộc Công ty Thép miền Nam (nay là Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP) theo Quyết định số 694 ngày 24 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600869728 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai (nay là Sở Tài Chính tỉnh Đồng Nai) cấp lần đầu ngày 09 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 16 tháng 12 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 280 Khu phố An Bình, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 31.199.880.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 31.199.880.000 VND; tương đương 3.119.988 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 172 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 187 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Đúc kim loại, chế tạo và gia công cơ khí phục vụ các ngành công nghiệp khác.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế tạo các sản phẩm cơ khí; chế tạo, lắp ráp hoàn chỉnh máy móc thiết bị, cụm thiết bị;
- Chế tạo các sản phẩm kết cấu và xây lắp công nghiệp;
- Luyện và đúc các sản phẩm bằng kim loại đen, kim loại màu;
- Bán buôn máy móc thiết bị, bán buôn vật tư các loại, nguyên vật liệu trong ngành cơ khí, luyện kim;
- Xử lý các phế liệu kim loại;
- Phân tích mẫu kim loại;
- Chế tạo, sửa chữa và bảo trì thiết bị cầu trục;
- Cho thuê kho, bãi.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2025, thị trường hàng hóa thế giới tiếp tục có nhiều biến động và chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội. Nhiều quốc gia duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt để kiềm chế lạm phát dẫn đến tổng cầu giảm. Bên cạnh đó, thị trường trong nước chịu sự cạnh tranh gay gắt giữa các thương hiệu cơ khí, chế tạo máy khiến cho tình hình kinh doanh của Công ty ngày càng khó khăn do đó doanh thu thuần và lợi nhuận gộp của Công ty năm nay giảm lần lượt 12,47% và 30,55% so với năm trước.

Trong năm, Công ty thực hiện di dời cơ sở sản xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Việc di dời làm phát sinh một số chi phí liên quan và ảnh hưởng nhất định đến tiến độ sản xuất, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính trong kỳ. Sau khi di dời, Công ty đã bố trí phương án sản xuất phù hợp và đang triển khai các kế hoạch cho giai đoạn tiếp theo. Trên cơ sở đó, Ban lãnh đạo đánh giá giả định hoạt động liên tục của Công ty trong thời gian tới là phù hợp. (Xem thêm tại thuyết minh 33 - Thông tin khác)

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Trong năm, Công ty thực hiện di dời toàn bộ máy móc, thiết bị ra khỏi khuôn viên cũ theo chủ trương chuyển đổi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 của cơ quan có thẩm quyền, đồng thời tiến hành thanh lý một phần tài sản theo nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn chuyển tiếp, Công ty bố trí hoạt động tại các địa điểm thuê ngắn hạn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và thực hiện gia công sản phẩm tại một số nhà máy bên ngoài.

Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty đang sử dụng các địa điểm thuê ngắn hạn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian chờ quyết định chính thức về địa điểm sản xuất mới. Trên cơ sở các đánh giá và kế hoạch đã được Ban lãnh đạo xây dựng, Công ty tiếp tục tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ được tính bằng đơn giá sản phẩm dở dang cuối kỳ nhân với trọng lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ. Trong đó đơn giá sản phẩm dở dang cuối kỳ bằng 70% giá bán sản phẩm hoàn thành (theo Quyết định số 01/2025/QĐ-KHKD của Tổng giám đốc Công ty ngày 03/01/2025).

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, tiền điện, chi phí vận chuyển ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.19 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.22 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Do đặc thù của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm đúc, cơ khí rèn chiếm trên 90% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đồng thời toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

280 Khu phố An Bình, phường Trần Biên,
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

3 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	117.949.567	97.238.712
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.992.288.653	7.489.159.731
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	-
	10.110.238.220	7.586.398.443

Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng được gửi tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam với lãi suất 4,7%/năm.

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	2.403.301.406	-	1.747.628.000	-
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	1.380.160.606	-	-	-
Công ty CP Thép Tấm Lá Thống Nhất	381.920.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel	-	-	706.354.000	-
Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	-	-	340.648.000	-
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	279.749.800	-	13.500.000	-
Công ty Cổ phần Mạ Kẽm Công nghiệp Vingal -	-	-	9.000.000	-
Công ty CP Vinausteel	140.080.000	-	145.772.000	-
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	221.391.000	-	532.354.000	-
<i>Bên khác</i>	28.433.198.537	-	46.093.096.190	(344.375.900)
Công ty TNHH MTV Cơ khí Núi Thành	665.986.000	-	11.075.610.000	-
Công ty CP Cơ khí Cao su Alp Rail Industries Inc.	3.635.689.200	-	1.692.108.000	-
Công ty TNHH SPCN Toshiba Asia	6.973.429.980	-	6.647.678.506	-
Công ty CP Tập đoàn VAS Nghi Sơn	3.130.894.350	-	4.563.286.207	-
Đối tượng khác	1.006.876.100	-	10.327.892.356	-
	13.020.322.907	-	11.786.521.121	(344.375.900)
	30.836.499.943	-	47.840.724.190	(344.375.900)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

280 Khu phố An Bình, phường Trần Biên,
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
TCT CP Phát triển Khu Công nghiệp	376.220.432	-	188.110.216	-
Công ty TNHH Cơ khí Lam Giang	100.917.300	-	-	-
Công ty TNHH Cơ khí Khuôn mẫu Tiến Huy	94.711.680	-	-	-
Đối tượng khác	73.200.000	-	67.770.000	-
	645.049.412	-	255.880.216	-

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	-	-	85.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	421.000.000	-	6.000.000	-
Phải thu khác	41.541.886	-	11.101.768	-
	462.541.886	-	102.101.768	-

7 . NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Cao su BRC	-	-	55.440.000	27.720.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	-	-	422.607.800	122.583.900
- Công ty TNHH Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	-	-	33.264.000	16.632.000
	-	-	511.311.800	166.935.900

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.458.741.151	-	7.481.065.752	-
Công cụ, dụng cụ	185.199.241	-	158.500.041	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.942.070.877	-	6.679.257.354	-
Thành phẩm	8.712.997.684	-	11.894.284.389	-
	19.299.008.953	-	26.213.107.536	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

280 Khu phố An Bình, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	16.324.294.160	78.753.419.395	16.208.799.597	3.751.059.609	115.037.572.761
- Mua trong năm	-	477.250.000	-	-	477.250.000
- Giảm khác	-	(298.921.328)	-	(568.511.818)	(867.433.146)
Số dư cuối năm	16.324.294.160	78.931.748.067	16.208.799.597	3.182.547.791	114.647.389.615
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	14.883.408.405	63.800.333.175	13.333.185.278	3.722.134.616	95.739.061.474
- Khấu hao trong năm	380.219.199	2.633.721.193	642.474.204	8.899.992	3.665.314.588
- Giảm khác	-	(298.921.328)	-	(568.511.818)	(867.433.146)
Số dư cuối năm	15.263.627.604	66.135.133.040	13.975.659.482	3.162.522.790	98.536.942.916
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.440.885.755	14.953.086.220	2.875.614.319	28.924.993	19.298.511.287
Tại ngày cuối năm	1.060.666.556	12.796.615.027	2.233.140.115	20.025.001	16.110.446.699

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 75.250.878.096 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý: 21.465.958.839 đồng.

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính có nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm 31/12/2025 tương ứng là 2.350.199.700 VND và 2.350.199.700 VND, tài sản đã hết khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

280 Khu phố An Bình, phường Trần Biên,
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	51.472.222	46.264.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	829.700.000	-
	881.172.222	46.264.000

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>10.800.000</i>	<i>10.800.000</i>	-	-
Công ty CP Giao nhận	10.800.000	10.800.000	-	-
Kho vận Ngoại thương Việt Nam				
<i>Bên khác</i>	<i>8.747.253.745</i>	<i>8.747.253.745</i>	<i>12.844.907.417</i>	<i>12.844.907.417</i>
Công ty TNHH	1.277.107.580	1.277.107.580	473.019.640	473.019.640
Vật liệu Chịu lửa Lê Vỹ				
Công ty TNHH	899.392.360	899.392.360	3.775.830.000	3.775.830.000
Đúc Thặng Năm				
Công ty TNHH	680.647.000	680.647.000	1.622.937.800	1.622.937.800
TMDV Phong Khánh				
Công ty TNHH	1.128.085.920	1.128.085.920	943.877.000	943.877.000
SX-DV-TM Môi trường Xanh				
Phải trả các đối tượng khác	4.762.020.885	4.762.020.885	6.029.242.977	6.029.242.977
	8.758.053.745	8.758.053.745	12.844.907.417	12.844.907.417

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>Bên khác</i>		
Công ty TNHH Một thành viên Piriou Việt Nam	227.152.000	537.504.000
KONASOL CO.,LTD	433.101.893	454.127.203
Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi	1.174.908.000	331.764.000
Khác	1.163.586.060	2.124.040.677
	2.998.747.953	3.447.435.880

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

280 Khu phố An Bình, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	47.633.962	47.633.962	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	635.566.040	1.611.771.267	2.240.724.970	-	6.612.337
Thuế thu nhập cá nhân	26.920.829	-	651.971.329	1.031.415.307	406.364.807	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	178.580.180	178.580.180	-	-
	<u>26.920.829</u>	<u>635.566.040</u>	<u>2.489.956.738</u>	<u>3.498.354.419</u>	<u>406.364.807</u>	<u>6.612.337</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	26.000.000	24.743.410
- Trích trước chi phí tiền điện	151.271.164	173.573.529
- Chi phí phải trả khác	252.031.376	632.290.182
	<u>429.302.540</u>	<u>830.607.121</u>

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	180.000.000	-
- Thuế TNCN phải trả	604.563.033	410.354.864
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	105.911.096	30.113.740
	<u>890.474.129</u>	<u>440.468.604</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

280 Khu phố An Bình, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

17 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa	30.441.253.113	30.441.253.113	34.965.457.812	65.406.710.925	-	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai ⁽¹⁾	-	-	21.816.630.156	6.677.660.764	15.138.969.392	15.138.969.392
	<u>30.441.253.113</u>	<u>30.441.253.113</u>	<u>56.782.087.968</u>	<u>72.084.371.689</u>	<u>15.138.969.392</u>	<u>15.138.969.392</u>

(1) Hợp đồng cho vay hạn mức 300074208/2025-HĐCVHM/NHCT680-LUYENKIM ngày 31/07/2025 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai có các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức cho vay: 20.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- + Thời hạn của hợp đồng: Từ ngày 31/07/2025 tới ngày 30/06/2026;
- + Lãi suất cho vay: Quy định theo từng giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 15.138.969.392 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

280 Khu phố An Bình, phường Trần Biên,
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	26.000.000.000	8.796.663.000	6.722.750.108	41.519.413.108
Lãi trong năm trước	-	-	5.673.355.922	5.673.355.922
Phân phối lợi nhuận	-	-	(765.000.000)	(765.000.000)
Số dư cuối năm trước	26.000.000.000	8.796.663.000	11.631.106.030	46.427.769.030
Số dư đầu năm nay	26.000.000.000	8.796.663.000	11.631.106.030	46.427.769.030
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (*)	5.199.880.000	-	(5.199.880.000)	-
Lãi trong năm nay	-	-	1.195.369.381	1.195.369.381
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	31.199.880.000	8.796.663.000	6.626.595.411	46.623.138.411

(*) Căn cứ Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/025/SDK/ĐHCD ngày 15/04/2025, Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN lũy kế đến 31/12/2024	100,00	11.631.106.030
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8,60	1.000.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (**)	44,71	5.199.880.000
Lợi nhuận chưa phân phối	46,70	5.431.226.030

(**) Công ty thực hiện việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024, cụ thể như sau:

- Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 519.988 cổ phiếu, trong đó:
- Số cổ phiếu phân phối cho cổ đông theo tỷ lệ: 519.988 cổ phiếu cho 183 cổ đông;
- Số cổ phiếu xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ: 12 cổ phiếu (số cổ phiếu này sẽ bị hủy bỏ).
- Tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành cổ phiếu (12/08/2025), trong đó:
- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 3.119.988 cổ phiếu;
- + Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

Ngày 28/03/2025, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành Quyết định chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty. Ngày 26/09/2025, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thông báo ngày giao dịch đối với số cổ phiếu phát hành thêm là 07/10/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

280 Khu phố An Bình, phường Trần Biên,
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	45,00	14.040.000.000	45,00	11.700.000.000
Ông Nguyễn Thái Thiện	22,00	6.864.000.000	22,00	5.720.000.000
Ông Trần Phước Dũng	8,34	2.603.600.000	8,92	2.320.000.000
Các cổ đông khác	24,65	7.692.280.000	24,08	6.260.000.000
	100,00	31.199.880.000	100,00	26.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	31.199.880.000	26.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	26.000.000.000	26.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	5.199.880.000	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	31.199.880.000	26.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.119.988	3.119.988
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	3.119.988	3.119.988
- Cổ phiếu phổ thông	3.119.988	3.119.988
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.119.988	3.119.988
- Cổ phiếu phổ thông	3.119.988	3.119.988
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	8.796.663.000	8.796.663.000
	8.796.663.000	8.796.663.000

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất, nhà cửa với với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng. Cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

280 Khu phố An Bình, phường Trần Biên,
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Bên cho thuê	Vị trí	Đối tượng của hợp đồng thuê	Thời gian thuê
1	Bà Nguyễn Thị Hồng (*)	208 khu phố An Bình, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai	Thuê nhà: Diện tích sử dụng 342,6 m ²	12 tháng kể từ ngày 01/10/2025
2	Ông Nguyễn Việt Quang (*)	684 Đình Quang Ân, phường Phước Tân, tỉnh Đồng Nai	Đất và nhà trên đất: + Diện tích sử dụng đất: 2.683 m ² + Nhà xưởng sẵn có: 1.800 m ²	12 tháng kể từ ngày 01/11/2025
3	Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp (*)	KCN Biên Hòa I	Khu đất thuê diện tích là 69.385,2 m ²	Từ năm 2001 đến năm 2051 (*)

(*) Hiện tại, Công ty đã di dời toàn bộ máy móc thiết bị ra khỏi khuôn viên cũ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, chỉ còn các hạng mục nhà xưởng chờ đấu giá thanh lý và tháo dỡ lưu kho. Để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã thuê văn phòng tại 208 khu phố An Bình, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai (thuê của bà Nguyễn Thị Hồng); thuê xưởng tại 684 Đình Quang Ân, phường Phước Tân, tỉnh Đồng Nai (thuê của ông Nguyễn Việt Quang) và thuê gia công tại 02 nhà máy.
(Chi tiết xem tại Thuyết minh 33 - Thông tin khác)

c)	Ngoại tệ các loại	31/12/2025	01/01/2025
-	Đồng đô la Mỹ (USD)	943,19	40.837,38
-	Đồng Euro (EUR)	241,97	241,73

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, vật tư, phế liệu	169.047.754.384	192.041.584.162
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.101.189.132	2.069.757.103
	170.148.943.516	194.111.341.265
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	20.239.848.318	16.678.670.052

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	456.791.705	658.779.670
Giảm giá hàng bán	364.090.926	1.779.864
	820.882.631	660.559.534

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM280 Khu phố An Bình, phường Trần Biên,
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, vật tư, phế liệu đã bán	145.398.406.869	158.953.706.045
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	384.324.448	594.366.255
	145.782.731.317	159.548.072.300
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào:	1.110.455.626	1.821.259.019
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)		

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	122.112.055	5.509.494
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.066.552.771	1.040.399.110
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	33.922.447
	1.188.664.826	1.079.831.051

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	988.205.992	1.469.847.401
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	274.007.252	429.977.010
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	36.338.573	-
	1.298.551.817	1.899.824.411

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	81.401.309	71.873.145
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.725.355.912	2.539.380.651
Chi phí khác bằng tiền	274.007.642	744.071.440
	3.080.764.863	3.355.325.236

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	328.132.316	398.215.017
Chi phí nhân công	9.033.626.420	11.277.469.442
Chi phí khấu hao tài sản cố định	505.878.324	523.823.699
Thuế, phí, lệ phí	49.287.126	43.825.550
(Hoàn nhập dự phòng)/chi phí dự phòng	(344.375.900)	344.375.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.313.656.380	2.523.962.781
Chi phí khác bằng tiền	6.277.278.615	7.003.495.445
	19.163.483.281	22.115.167.834

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

280 Khu phố An Bình, phường Trần Biên,
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	54.875.000
Nhập kho nguyên vật liệu thu hồi	2.383.508.015	-
Thu nhập khác	19.100.871	155.805.630
	2.402.608.886	210.680.630

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí thẩm định giá tài sản	190.000.000	-
Các khoản bị phạt hợp đồng kinh tế	9.400.450	17.715.498
Các khoản bị phạt thuế	263.112.179	402.922
Chi phí khác	324.150.042	74.201.215
	786.662.671	92.319.635

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.807.140.648	7.730.583.996
Các khoản điều chỉnh tăng	3.447.188.089	2.531.032.823
- Chi phí không hợp lệ	3.410.849.516	2.531.032.823
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	36.338.573	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(33.922.447)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	(33.922.447)
Thu nhập chịu thuế TNDN	6.254.328.737	10.227.694.372
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	1.250.865.747	2.045.538.874
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	360.905.520	11.689.200
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.611.771.267	2.057.228.074
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	635.566.040	178.995.135
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.240.724.970)	(1.600.657.169)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	6.612.337	635.566.040

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.195.369.381	5.673.355.922
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.195.369.381	5.673.355.922
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.119.988	3.119.988
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	383	1.818

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	86.561.833.470	106.678.279.548
Chi phí nhân công	35.797.684.492	39.011.927.908
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.665.314.588	4.126.990.379
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.640.530.320	29.626.450.389
Chi phí khác bằng tiền	16.787.519.309	7.060.683.821
	165.452.882.179	186.504.332.045

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

280 Khu phố An Bình, phường Trần Biên,
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền	9.992.288.653	-	-	9.992.288.653
Phải thu khách hàng, phải thu khác	31.299.041.829	-	-	31.299.041.829
	<u>41.291.330.482</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>41.291.330.482</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền	7.489.159.731	-	-	7.489.159.731
Phải thu khách hàng, phải thu khác	47.598.450.058	-	-	47.598.450.058
	<u>55.087.609.789</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>55.087.609.789</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Vay và nợ	15.138.969.392	-	-	15.138.969.392
Phải trả người bán, phải trả khác	9.648.527.874	-	-	9.648.527.874
Chi phí phải trả	429.302.540	-	-	429.302.540
	<u>25.216.799.806</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>25.216.799.806</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	30.441.253.113	-	-	30.441.253.113
Phải trả người bán, phải trả khác	13.285.376.021	-	-	13.285.376.021
Chi phí phải trả	830.607.121	-	-	830.607.121
	<u>44.557.236.255</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>44.557.236.255</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính

33 . THÔNG TIN KHÁC

Ngày 22/02/2012, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 519/QĐ-UBND về việc quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 chuyển đổi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu đô thị - thương mại - dịch vụ tại phường An Bình, thành phố Biên Hòa. Do Công ty có nhà máy thuộc phạm vi quy hoạch của UBND tỉnh Đồng Nai nên Công ty phải di dời nhà máy ra khỏi Khu công nghiệp Biên Hòa 1.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai tại Văn bản số 10526/UBND-KTN ngày 09/10/2023 và Văn bản số 12699/UBND-KTN ngày 27/11/2023 về việc tham mưu đề xuất liên quan đến chuyển đổi công năng Khu Công nghiệp Biên Hòa I, ngày 07/12/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đã gửi Văn bản số 5806/SKHĐT - KTĐN thông báo về thời gian di dời các doanh nghiệp trong Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Công ty thuộc nhóm các doanh nghiệp phải di dời trước tháng 12/2025.

Đến thời điểm hiện tại, trong tổng số 18 máy móc, thiết bị được Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua chủ trương thanh lý, Công ty đã thực hiện thanh lý 16 máy móc, thiết bị và giữ lại 02 máy móc, thiết bị để tiếp tục sử dụng phục vụ hoạt động gia công hàng hóa. Đối với 13 hạng mục nhà cửa, vật kiến trúc, Công ty giữ lại 03 hạng mục gồm phân xưởng cơ khí, phân xưởng GCKC và phân xưởng đúc rèn I&II; các hạng mục này chưa thực hiện tháo dỡ, Công ty chỉ thu hồi cột, kèo chính để lưu kho, phần còn lại không còn khả năng sử dụng sẽ được bán thanh lý, trong khi 10 hạng mục còn lại hiện đang được tổ chức đấu giá thanh lý. Hiện nay, Công ty đã hoàn tất việc di dời toàn bộ máy móc, thiết bị ra khỏi khuôn viên cũ, chỉ còn lại các hạng mục nhà xưởng chờ đấu giá thanh lý và thu hồi vật tư. Để duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh, Công ty đã thuê văn phòng tại số 208 khu phố An Bình, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai; thuê xưởng tại số 684 Đình Quang Ân, phường Phước Tân, tỉnh Đồng Nai và đồng thời thuê gia công tại 02 nhà máy.

Nhằm triển khai việc di dời cơ sở sản xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, ngày 28/11/2025, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường, tại đó Đại hội đã thông qua các tờ trình liên quan đến việc thanh lý nhà xưởng, vật kiến trúc và một số máy móc, thiết bị không còn nhu cầu sử dụng, làm cơ sở cho việc sắp xếp lại tài sản và chuẩn bị cho phương án di dời. Trong quá trình tìm kiếm phương án bố trí địa điểm sản xuất mới, ngày 31/10/2025, Công ty đã có Văn bản số 274/PA-CKLK gửi Tổng công ty Thép Việt Nam (VNSteel) xin ý kiến về phương án mua 66,66% vốn điều lệ của Công ty TNHH Ống gang cầu Đài Việt. Đến ngày 18/12/2025, Công ty nhận được Văn bản số 1318 của VNSteel chấp thuận chủ trương để Công ty mua lại phần vốn góp của đối tác tại doanh nghiệp khác. Tuy nhiên, do cổ đông hiện hữu của Công ty TNHH Ống gang cầu Đài Việt thực hiện quyền mua lại phần vốn góp nêu trên, nên phương án Công ty mua lại 66,66% vốn điều lệ tại doanh nghiệp này không tiếp tục triển khai.

Hiện tại, Công ty đang tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các phương án phù hợp khác, đồng thời làm việc với các bên liên quan nhằm tìm kiếm địa điểm sản xuất dài hạn và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn tiếp theo.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Các tài sản cố định không sử dụng chờ thanh lý tại thời điểm cuối năm đã được Công ty thực hiện thanh lý trong tháng 01/2026 theo Hợp đồng số 01/24/HĐMB/TSCĐ ngày 02/01/2026, với giá bán là 2.005.000.000 đồng (đã bao gồm VAT).

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	(1)
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	(2)
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	(2)
Công ty Cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel	(2)
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	(2)
Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel	(2)
Công ty TNHH Thép Vinakyoiei	(3)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

280 Khu phố An Bình, phường Trần Biên,
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Công ty Tôn Phương Nam	(2)
Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống nhất	(3)
Công ty TNHH Gia công và Dịch vụ Thép Sài Gòn	(3)
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	(3)
Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	(3)
Công ty TNHH Nippovina	(3)
Công ty Cổ phần giao nhận Kho vận Ngoại Thương Việt Nam	(2)
Công ty TNHH Natsteel Vina	(3)
Công ty CP Vinausteel	(3)
Công ty Cổ phần Mạ Kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL	(2)

(1) Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP là chủ sở hữu đầu tư 45% vào Công ty.

(2) Các công ty này là Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP

(3) Các công ty này là Công ty liên kết của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu	20.239.848.318	16.678.670.052
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	5.843.840.000	6.902.340.000
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	5.803.513.000	700.880.000
Công ty Cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel	1.394.866.500	3.199.714.000
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	2.819.600.000	1.830.790.000
Công ty TNHH Thép Vinakyoei	1.188.715.000	1.058.495.000
Công ty Tôn Phương Nam	502.100.000	243.100.000
Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống nhất	496.000.000	-
Công ty TNHH Gia công và Dịch vụ Thép Sài Gòn	359.650.000	1.552.965.600
Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	280.050.000	494.900.000
Công ty CP Vinausteel - CN Hải Phòng	1.028.532.000	373.540.000
Công ty Cổ phần Mạ Kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL	8.181.818	56.945.452
Công ty TNHH Natsteel Vina	514.800.000	265.000.000
	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Mua hàng	1.110.455.626	1.821.259.019
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	232.080.000	284.740.000
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	75.600.000	-
Công ty Cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel	30.825.000	215.905.000
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	115.669.000	181.865.000
Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel	193.095.540	604.020.717
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	15.839.996	20.794.082
Công ty TNHH Nippovina	-	421.532.500
Công ty Cổ phần giao nhận Kho vận Ngoại Thương Việt Nam	370.000.000	49.500.000
Công ty Cổ phần Mạ Kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL	77.346.090	42.901.720

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM280 Khu phố An Bình, phường Trần Biên,
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt và ban kiểm soát			
Ông Nguyễn Minh Tính	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 28/03/2023)	-	8.925.000
Ông Nguyễn Văn Chánh	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 15/04/2025)	306.896.682	687.624.417
Ông Nguyễn Minh Huy	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 15/04/2025)	421.456.709	
Ông Võ Thanh Tiến	Thành viên HĐQT Tổng giám đốc	820.452.773	790.066.473
Ông Trần Thanh Toàn	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	684.305.385	642.452.212
Ông Nguyễn Thái Sơn	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	610.491.366	591.907.035
Ông Trần Phước Dũng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 15/04/2025)	11.550.000	31.710.000
Ông Vũ Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/11/2024)	74.371.692	522.741.058
Ông Lê Thanh Hải	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 15/04/2025)	36.500.000	-
Bà Hà Thị Thu Hiền	Trưởng Ban kiểm soát	69.790.000	51.300.000
Ông Ngô Thế Hiền	Thành viên Ban kiểm soát	48.355.000	35.475.000
Ông Mai Văn Thanh	Thành viên Ban kiểm soát	446.286.295	445.717.940

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Phạm Thị Thanh Huyền

Người lập

Đồng Nai, ngày 03 tháng 02 năm 2026

Đoàn Thị Thủy

Kế toán trưởng

Võ Thanh Tiến

Tổng Giám đốc

